

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 46/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Thực hiện Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc trình Dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND, ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2025 với số vốn 216.939 triệu đồng (*trong đó: ngân sách trung ương là 188.939 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 28.000 triệu đồng*) cụ thể như sau:

1. Phân bổ chi tiết 128.324 triệu đồng (*ngân sách trung ương là 109.560 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 18.764 triệu đồng*) cho 12 dự án đầu tư thuộc Dự án thành phần 2.

2. Chưa phân bổ 88.615 triệu đồng (*ngân sách trung ương là 79.379 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 9.236 triệu đồng*).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án	Chủ đầu tư nhận bàn giao khi sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện theo Công văn số 5391/UBND-CN XD ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 nguồn NSTW và NST			Lũy kế vốn đã bố trí			Kế hoạch 2025 từ phần NSTW giao bổ sung (đợt 2) và vốn phân bổ sau nguồn NST			Ghi chú			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:	
								NSTW	NST	NSH		NSTW	NST		NSTW	NST (nguồn thu tiền SDD)		NSTW	NST (nguồn thu tiền SDD)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)		
	TỔNG CỘNG																	216,939	188,939	28,000			
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DỰ ÁN THÀNH PHẦN 2 (QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỒN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT)							642,000	607,000	30,000	5,000	637,000	607,000	30,000	507,496	496,620	10,876	128,324	109,560	18,764			
I	Huyện Krông Bông							25,200	25,200	-	-	25,200	25,200	-	24,800	24,800	-	-	-	-			
1	Dự án Ổn định, sắp xếp dân cư tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số buôn Mghí, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Buôn Mghí, xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8042505	2023-2025	1823/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	25,200	25,200	-	-	25,200	25,200	-	24,800	24,800	-	-	-	-	HT, không còn nhu cầu bổ sung phần vốn còn thiếu so với TMDT.		
II	Huyện Ea Súp							33,300	33,300	-	-	33,300	33,300	-	32,880	32,880	-	-	-	-			
1	Dự án Ổn định dân cư tại thôn 19, 20, xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8031353	2023-2025	1653/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	33,300	33,300	-	-	33,300	33,300	-	32,880	32,880	-	-	-	-	HT, không còn nhu cầu bổ sung phần vốn còn thiếu so với TMDT.		
III	Huyện Ea H'leo							124,000	118,000	6,000	-	124,000	118,000	6,000	110,420	106,420	4,000	13,580	11,580	2,000			
1	Dự án Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Cư Amung, huyện Ea H'Leo	Xã Cư Amung, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8053796	2023-2025	1889/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	63,000	60,000	3,000	-	63,000	60,000	3,000	56,100	54,100	2,000	6,900	5,900	1,000	CT		
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Tір, huyện Ea H'leo	Xã Ea Tір, huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8049837	2023-2025	1522/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	61,000	58,000	3,000	-	61,000	58,000	3,000	54,320	52,320	2,000	6,680	5,680	1,000	CT		
IV	Huyện Krông Búk							72,200	68,000	4,200	-	72,200	68,000	4,200	70,876	68,000	2,876	1,324	-	1,324			
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Sin, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sin, huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8050591	2023-2025	1852/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	72,200	68,000	4,200	-	72,200	68,000	4,200	70,876	68,000	2,876	1,324	-	1,324	CT		
V	Huyện Krông Năng							58,000	55,000	3,000	-	58,000	55,000	3,000	57,000	55,000	2,000	640	-	640			
1	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại 3 buôn: Buôn Mrum, buôn A lê, buôn Mngoan, xã Ea Hô, huyện Krông Năng	Xã Ea Hô, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8029556	2023-2025	1394/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	30,000	28,400	1,600	-	30,000	28,400	1,600	29,400	28,400	1,000	240	-	240	QT		
2	Dự án Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tam Hợp, xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Xã Cư Klông, huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8029557	2023-2025	1395/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	28,000	26,600	1,400	-	28,000	26,600	1,400	27,600	26,600	1,000	400	-	400	HT		

VI	Huyện Lắk						219,400	207,600	11,800	-	219,400	207,600	11,800	144,305	144,305	-	75,095	63,295	11,800		
1	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Krông Nô, huyện Lắk	Xã Krông Nô, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074854	2023-2025	2742/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	64,363	61,863	2,500	-	64,363	61,863	2,500	42,350	42,350	-	22,013	19,513	2,500	CT
2	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Đăk Phơi, huyện Lắk	Xã Đăk Phơi, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074853	2023-2025	2743/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	50,815	47,765	3,050	-	50,815	47,765	3,050	33,374	33,374	-	17,441	14,391	3,050	CT
3	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã an toàn khu (ATK) Bông Krang, huyện Lắk	Xã Bông Krang, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074852	2023-2025	2744/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	50,486	47,436	3,050	-	50,486	47,436	3,050	33,350	33,350	-	17,136	14,086	3,050	CT
4	Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Xã Đăk Liêng, huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8074851	2023-2025	2745/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	53,736	50,536	3,200	-	53,736	50,536	3,200	35,231	35,231	-	18,505	15,305	3,200	CT
VII	Huyện Krông Pắc						80,775	71,775	4,000	5,000	75,775	71,775	4,000	50,616	48,616	2,000	25,159	23,159	2,000		
1	Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc	Buôn Ea Mao, Kon Hring, Kon Tay, Cư Drang, xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8067431	2024-2025	6259/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	46,630	39,630	2,000	5,000	41,630	39,630	2,000	27,916	26,916	1,000	13,714	12,714	1,000	CT
2	Ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại xã Ea Hiu, huyện Krông Pắc	Xã Ea Hiu	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8067432	2024-2025	6536/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	34,145	32,145	2,000	-	34,145	32,145	2,000	22,700	21,700	1,000	11,445	10,445	1,000	CT
VIII	Huyện Buôn Đôn						29,125	28,125	1,000	-	29,125	28,125	1,000	16,599	16,599	-	12,526	11,526	1,000		
1	Sắp xếp, bố trí, ổn định tái định cư buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn (Giai đoạn I)	Buôn Nréch, xã Ea Huar, huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	Ban QLDA ĐTXD công trình GT&NNPTNT tỉnh	8139227	2025	654/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	29,125	28,125	1,000	-	29,125	28,125	1,000	16,599	16,599	-	12,526	11,526	1,000	CT
B	CHƯA PHÂN BỐ																88,615	79,379	9,236		